|  |
| --- |
| UBND HUYỆN BÌNH GIANG**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN****''Nâng cao chất lượng giờ học** **Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5”** **Môn: Tiếng việt****Năm học 2020 - 2021** |

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trang** |
| 1 | Thông tin chung về sáng kiến | 3 |
| 2 | Tóm tắt sáng kiến | 4 |
| 3 | Mô tả sáng kiến  | 6 |
| 4 | Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến | 6 |
| 5 | Thời gian thực hiện và triển khai sáng kiến kinh nghiệm | 7 |
| 6 | Cơ sở lí luận của vấn đề | 7 |
| 7 | Thực trạng của vấn đề | 8 |
| 8 | Các biện pháp tiến hành để giải quyết vấn đề. | 10 |
| 9 | Kết luận | 18 |

**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**Tên sáng kiến: ''Nâng cao chất lượng giờ học Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5”**

**-Môn : Luyện từ và câu lớp 5**

-Lĩnh vực áp dụng SK: Trường Tiểu học Vĩnh Hồng

-Tác giả:

-Họ và tên : Nguyễn Thị Quyên

-Sinh ngày: 05 – 08 – 1978

-Trình độ chuyên môn: ĐHSP

-Trường Tiểu học Vĩnh Hồng.

-Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học Vĩnh Hồng

-Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu: Trường Tiểu học Vĩnh Hồng

-Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Học sinh

-Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2020 - 2021

 **Người viết Xác nhận của đơn vị áp dụng sáng kiến**

**Nguyễn Thị Quyên**

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

 Tiếng Việt là môn học luôn đồng hành và xuyên suốt trong quá trình dạy học và ngay cả trong cuộc sống của mỗi người dân Việt Nam. Là người Việt ai cũng mong muốn mình học giỏi tiếng Việt. Ngay từ buổi đầu bập bẹ những tiếng nói đầu tiên trẻ cũng cần nói tiếng Việt. Nhiệm vụ của người giáo viên Tiểu học là cung cấp những kiến thức một cách toàn diện cho học sinh. Mỗi môn học đều góp phần hình thành và phát triển nhân cách của trẻ, cung cấp cho các em những tri thức cần thiết để phục vụ cuộc sống, học tập và sinh hoạt …sao cho tốt nhất và đạt hiệu quả cao.

Môn Tiếng Việt trong chương trình Tiểu học nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của từng lứa tuổi. Giúp học sinh có cơ sở để tiếp thu kiến thức ở các lớp trên. Trong bộ môn Tiếng Việt phân môn ***Luyện từ và câu*** có nhiệm vụ cung cấp kiến thức về từ và câu, làm giàu vốn từ cho học sinh và phát triển năng lực dùng từ đặt câu của các em. Cụ thể là:

1. Mở rộng hệ thống hoá vốn từ trang bị cho học sinh một số hiểu biết về từ và câu.

2. Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng dùng từ đặt câu, sử dụng dấu câu, một số phép nối, cách thay thế và liên kết câu.

3. Bồi dưỡng cho học sinh thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu, có ý thức sử dụng tiếng Việt trong học tập và trong giao tiếp.

Vị trí của phân môn Luyện từ và câu: Từ và câu có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ. Từ là đơn vị trung tâm của ngôn ngữ. Câu là đơn vị nhỏ nhất có thể thực hiện chức năng giao tiếp. Vai trò của từ và câu trong hệ thống ngôn ngữ quyết định tầm quan trọng của việc dạy Luyện từ và câu ở Tiểu học. Việc dạy Luyện từ và câu nhằm mở rộng, hệ thống hóa làm phong phú vốn từ của học sinh, cung cấp cho học sinh những hiểu biết sơ giản về từ và câu, rèn cho học sinh kĩ năng dùng từ đặt câu và sử dụng các kiểu câu để thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình, đồng thời giúp học sinh có khả năng hiểu câu nói của người khác. Luyện từ và câu có vai trò hướng dẫn học sinh trong việc nghe, nói, đọc, viết, phát triển ngôn ngữ và trí tuệ của các em. Ngoài ra còn rèn luyện tư duy và giáo dục thẫm mĩ cho học sinh.

Tôi luôn coi trọng việc lấy học sinh làm trung tâm, với trách nhiệm của một giáo viên dạy tiểu học trong nhiều năm qua tôi luôn luôn trăn trở suy nghĩ tìm ra nguyên nhân và đề ra các giải pháp hữu hiệu nhất áp dụng trong công tác dạy học nhằm tạo điều kiện để các em hình thành kiến thức và kĩ năng mới, vận dụng một cách sáng tạo nhất, thông minh nhất trong việc học tiếng Việt. Góp một phần nào đó vào việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo nền tảng và hành trang cho các em vào học tốt ở các cấp học cao hơn

 Nhận thức rõ được tầm quan trọng của phân môn, tôi mạnh dạn nghiên cứu “làm thế nào để học sinh nắm chắc kiến thức này và tự tin trong học tập?” Từ thực tế ở học sinh mà lớp tôi đang chủ nhiệm. Khả năng sử dụng tiếng Việt nói chung và nhất là việc sử dụng từ, câu …trong học tập, trong giao tiếp còn nhiều hạn chế. Chính vì thế mà tôi chọn sáng kiến **''Nâng cao chất lượng giờ học Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5”**

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

 Trong chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, luyện từ và câu được tách thành một phân môn độc lập, có vị trí ngang bằng với các phân môn khác như Tập đọc, Chính tả, Tập làm văn...Ngoài ra Luyện từ và câu còn được đặt trong các phân môn khác thuộc môn Tiếng Việt và trong giờ học của các môn khác...Như vậy nội dung dạy về luyện từ và câu trong chương trình môn Tiếng Việt nói riêng, các môn học nói chung ở Tiểu học, chiếm một tỷ lệ đáng kể. Điều đó nói lên ý nghĩa quan trọng của việc dạy luyện từ và câu ở Tiểu học. Nói đến dạy Luyện từ và câu ở Tiểu học người ta thường nói tới **3** **nhiệm vụ** chủ yếu là giúp học sinh **phong phú hoá vốn từ**, **chính xác hoá** **vốn từ** và **tích cực hoá vốn từ**. Phong phú hoá vốn từ còn gọi là mở rộng vốn từ, phát triển vốn từ nghĩa là xây dựng một vốn từ ngữ phong phú, thường trực và có hệ thống trong trí nhớ học sinh, để tạo điều kiện cho từ đi vào hoạt động ngôn ngữ (**nghe - đọc, nói - viết**) được thuận lợi. Chính xác hoá vốn từ là giúp học sinh hiểu nghĩa của từ một cách chính xác - nhất là đối với những từ ngữ mà học sinh thu nhận được qua cách học tự nhiên, đồng thời giúp học sinh nắm được nghĩa của những từ ngữ mới. Tích cực hoá vốn từ là giúp học sinh luyện tập, sử dụng từ ngữ trong **nói - viết**, nghĩa là giúp học sinh chuyển hoá những từ ngữ tiêu cực ( từ ngữ mà chủ thể nói năng hiểu nhưng không hoặc ít dùng) thành những từ ngữ tích cực (từ ngữ được chủ thể nói năng sử dụng trong **nói - viết**) phát triển kỹ năng, kỹ xảo phát triển từ ngữ cho học sinh.

 Trong 3 nhiệm vụ cơ bản nói trên, nhiệm vụ **phong phú hoá vốn từ,** **phát triển, mở rộng vốn từ** được coi là trọng tâm. Bởi vì, đối với học sinh tiểu học, từ ngữ được cung cấp trong phân môn Luyện từ và câu giúp các em hiểu được các phát ngôn khi nghe - đọc.

 Ngoài ra, ở một chừng mực nào đó, phân môn Luyện từ và câu ở Tiểu học còn có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh một số khái niệm có tính chất sơ giản ban đầu về cấu tạo từ và nghĩa của từ Tiếng Việt (như các khái niệm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, nghĩa của từ ...). Những kiến thức có tính chất lý thuyết về từ này có tác dụng làm **cơ sở**, làm **chỗ dựa** cho việc thực hành luyện tập về từ ngữ cho học sinh.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của phân môn này, tôi mạnh dạn nghiên cứu : **''Nâng cao chất lượng giờ học Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5”**

1. **Thời gian thực hiện và triển khai sáng kiến kinh nghiệm:**

 Từ thực tế, tôi nhận thấy để thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh làm cho giờ học Luyện từ và câu trên lớp “**Nhẹ nhàng hơn, tự** **nhiên hơn, chất lượng**

**hơn**”. Tôi đã tìm tòi, nghiên cứu tài liệu, thu thập kinh nghiệm từ các cựu đồng nghiệp đi trước. Tôi đã tìm và áp dụng một vài biện pháp dạy - học Luyện từ và câu vào lớp 5B của tôi trong năm học 2019 – 2020, 2020-2021. Tôi nhận thấy hiệu quả giờ học có chuyển biến tốt, học sinh hứng thú học Luyện từ và câu hơn, giờ học thật vui, thật nhẹ nhàng, sôi nổi. Đặc biệt mỗi học sinh đều được bộc lộ suy nghĩ về vốn sống, vốn từ của mình.

**3. Cơ sở lý luận:**

 Con người muốn tư duy phải có ngôn ngữ. Cả những lúc chúng ta nghĩ thầm trong bụng, chúng ta cũng “bụng bảo dạ” cũng nói thầm, tức là cũng sử dụng ngôn ngữ, một hình thức ngôn ngữ mà các nhà chuyên môn gọi là ngôn ngữ bên trong. Còn thông thường thì chúng ta thể hiện ra ngoài kết quả của hoạt động tư duy, những ý nghĩ tư tuởng của chúng ta thành những lời nói, những thực thể ngôn ngữ nhất định . Ngôn ngữ là công cụ, là hiện thực của tư duy. Bởi lẽ đó, tư duy và ngôn ngữ có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Người có tư duy tốt sẽ nói năng mạch lạc, trôi chảy và nếu trau dồi ngôn ngữ được tỉ mỉ, chu đáo thì sẽ tạo điều kiện cho tư duy phát triển tốt. Con em chúng ta, muốn lớn lên trở thành những con người hiện đại phải được giáo dục đầy đủ trong gia đình, trong trường học, ngoài xã hội. Nhưng giáo dục về bản chất có thể nói, đó là sự chuyển giao các giá trị văn hoá đông tây, kim cổ một sự giao tiếp cùng thời và lịch sử mà phương tiện chủ yếu là lời nói của cha mẹ, thầy cô, là sách báo các loại; nói một cách khác, giáo dục trong sự biểu hiện cụ thể của nó xét cho cùng chính là một sự giao tiếp ngôn từ, giao tiếp bằng ngôn ngữ. Trong giáo dục, việc nắm vững tiếng nói (trước hết là tiếng mẹ đẻ) có ý nghĩa quyết định. Nếu học sinh hạn chế về ngôn ngữ, nghe nói chỉ hiểu lơ mơ, nói viết không xác thể hiện được ý mình cho suôn sẻ, thì không thể nào khai thác đầy đủ các thông tin tiếp nhận từ người thầy, từ sách vở được. Bởi vậy, trong nội dung giáo dục, chúng ta cần phải hết sức coi trọng việc đào tạo về mặt ngôn ngữ, xem đó là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm thành công trong thực hiện sứ mệnh trọng đại của mình.

**4. Thực trạng của vấn đề:**

4.1**. Thuận lợi**

a. Giáo viên:

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho công tác, đầy đủ SGK, sách hướng dẫn và được học về sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại. Đội ngũ giáo viên yêu nghề, có năng lực sư phạm. Phân môn luyện từ và câu của lớp 4 nhìn chung ngắn gọn, cụ thể đã được bớt nhiều so với chương trình Từ ngữ - ngữ pháp của lớp 4 cũ, phân môn chỉ rõ 2 dạng bài: Bài lý thuyết và bài tập thực hành với

 định hướng rõ ràng.

b. Học sinh:

- Học sinh đã quen với cách học mới từ lớp 1,2,3 nên các em đã biết các lĩnh hội và luyện tập thực hành dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Sự quan tâm của phụ huynh học sinh cũng góp phần nâng cao chất lượng môn học nói riêng và môn tiếng việt nói chung.

- Các em học sinh đều được học 2 buổi/ngày. Từ đó giúp các em có khả năng sử dụng thành thạo các bài tập thực hành và áp dụng linh hoạt vào các phân môn khác.

**4.2. Khó khăn.**

 Do Luyện từ và câu là một phân môn mới và khó, cho nên giáo viên còn lúng túng trong việc tổ chức một tiết **dạy - học** Luyện từ và câu sao cho đúng yêu cầu của phân môn, đúng đặc trưng của phân môn và đạt được hiệu quả **dạy - học** cao. Dưới cái nhìn của giáo viên, có thể nói một số nội dung giảng dạy (được trình bày trong sách giáo khoa) còn ít nhiều xa lạ và phương pháp dạy phân môn này hầu như chưa định hình, cho nên giáo viên gặp nhiều khó khăn trong giảng dạy. Giáo viên có tâm lý ngại dạy Luyên từ và câu. Hiệu quả dạy - học giờ Luyện từ và câu nhìn chung còn thấp. Đại thể có mấy nguyên nhân cơ bản sau:

 a. Giáo viên

 - Vốn từ ngữ của một số giáo viên chưa phong phú, chưa đáp ứng được yêu cầu hướng dẫn học sinh mở rộng vốn từ, phát triển vốn từ. Đa số giáo viên còn lúng túng khi miêu tả, giải thích nghĩa của từ. Vì vậy việc giáo viên hướng dẫn học sinh tập giải nghĩa từ, làm bài tập giải nghĩa từ cũng chưa đạt hiệu quả cao. Kiến thức về từ vựng - ngữ nghĩa học của một số giáo viên còn hạn chế, nên bộc lộ những sơ suất, sai sót về kiến thức.

 - Cách dạy của nhiều giáo viên trong giờ Luyện từ và câu còn đơn điệu, lệ thuộc một cách máy móc vào sách giáo viên, hầu như rất ít sáng tạo, chưa sinh động, chưa cuốn hút được học sinh.

 - Điều kiện giảng dạy của giáo viên còn hạn chế, các tài liệu tham khảo phục vụ việc giảng dạy Luyện từ và cầu cũng như tranh ảnh, vật chất và các đồ dùng dạy học khác chưa phong phú.

 b. Học sinh:

 - Học sinh ít hứng thú học phân môn này. Hầu hết các em được hỏi ý kiến đều cho rằng: Luyện từ và câu là một môn học khô và khó. Một số chủ đề còn trừu tượng, khó hiểu, không gần gũi quen thuộc. Bên cạnh đó, cách miêu tả, giải thích nghĩa một số từ trong sách giáo khoa còn mang tính chất ngôn ngữ học, chưa phù hợp với lối tư duy trực quan của các em. Trong sách giáo khoa, có những loại bài tập hoặc xuất hiện quá nhiều, gây tâm lý nhàm chán (*điền từ*)

hoặc yêu cầu được nêu ra trong bài tập không rõ ràng, không tường minh và

khó thực hiện (*bài tập dùng từ viết thành đoạn văn ngắn*). Lại nữa, như đã nói ở trên, cách dạy của giáo viên thì nặng về giảng giải khô khăn, nặng nề về áp đặt. Điều này gây tâm lý mệt mỏi, ngại học phân môn Luyện từ và câu.

 Do vậy, để tiết dạy - học Luyện từ và câu ở lớp 5 đạt hiểu quả cao, chúng ta cần chú trọng đến việc tìm nhiều hình thức truyền thụ kiến thức để gây hứng thú nâng cao chất lượng học Luyện từ và câu cho học sinh.

 Việc tổ chức một tiết học có tầm quan trọng đặc biệt, nó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả giờ học. Tôi đã tiến hành theo các bước sau:

**5. Các biện pháp tiến hành để giải quyết vấn đề.**

 ***Biện pháp2:*** **Hướng dẫn học sinh lĩnh hội kiến thức bài học nhẹ nhàng, tự nhiên, phát huy được tính tích cực của học sinh.**

***\*Ví dụ : dạ*y *bài*** **Nghĩa của Từ**: Nghĩa của từ là khái niệm về sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan được phản ánh vào trong ngôn ngữ, được ngôn ngữ hoá. Nói cách khác “***Nghĩa của từ là các sự vật, hoạt động, tính chất, số lượng mà từ biểu thị***”.

 \**Ví dụ*:

 + **Đất**: Chất rắn, ở trên đó người và các loại động vật đi lại , sinh sống, cây cỏ mọc.

 + **Công nhân**: Người lao động chân tay, làm việc ăn lương.

 Nghĩa của từ được miêu tả, giải thích rất rõ ràng trong các sách từ điển .

 Khi dạy về nghĩa của từ, chúng ta cần:

 - Tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc với sự vật, hoạt động, tính chất mà nó biểu thị.

 \**Ví dụ*: Giải thích từ “**Chôm chôm**”, tôi cho học sinh nhìn thấy quả chôm chôm (quả có gai mềm ở vỏ, khi chín vỏ có màu đỏ, cùi trắng, ngọt như quả vải).

 Giải nghĩa từ “**bế**”, **ôm**” tôi cho các em làm động tác để quan sát.

 Ngoài ra, có thể dùng tranh ảnh, mô hình...cho quan sát, từ đó nêu nghĩa của từ (bằng cách này học sinh có thể hiểu nghĩa của từ chỉ các sự vật, hiện tượng không trực tiếp nhìn thấy hoặc diễn ra ở xung quanh).

 Mặt khác, tôi còn tìm cách giải thích nghĩa của từ sát hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học. Cụ thể lối miêu tả, trực quan khi giải nghĩa từ. Bên cạnh đó, tôi còn chấp nhận và khuyến khích cách giải nghĩa từ theo lối “khôi phục các biểu tượng”, hoặc giải nghĩa từ một cách “mộc mạc, gần gũi”...của học sinh.

 \* *Ví dụ*:

 + **Tổ quốc**: Đất nước mình.

 + **Bảo biển**: Bão ở vùng biển.

 **+ Bà ngoại**: Người sinh ra mẹ.

**\**Ví dụ*:** **dạy bài** ***Từ trái nghĩa*** (tiết 1- tuần 4).

 Khi dạy loại bài này, tôi dùng bài thơ sau để giúp học sinh nhận biết từ trái nghĩa.

Dòng sông bên **lở** bên **bồi**

Bên lở thì **đục** bên bồi thì **trong**

**Khôn** nhà **dại** chợ long đong

Việc này hẳn có tay **trong** tay **ngoài**

Lươn **ngắn** lại chê trạch **dài**

**Vụng** chèo **khéo** chống khen ai vững vàng

**Vào** **sinh** **ra** **tử** gian nan

Ăn **không** nói **có** làm càn chớ nên

**Xấu** người **đẹp** nết là hơn

**Đầu** **đuôi** kể rõ **dưới** **trên** ngọn ngành

Trống **xuôi** kèn **ngược** sao đành

Áo rách **khéo** vá hơn lành **vụng** may

*(TNTP số 19 tháng 3/2007)*

 Muốn tìm được cặp từ trái nghĩa, trước các cặp từ còn đang “Nghi vấn”, học sinh cần trả lời 2 câu hỏi nhỏ sau: thứ nhất “nghĩa của 2 từ trong mỗi câu thơ có đối lập nhau không, trái ngược nhau không?”, thứ hai : “cơ sở chung của sự đối lập về nghĩa của 2 từ là gì ?”. Trả lời được 2 câu hỏi trên, học sinh đã xác định có cơ sở chắc chắn về từ trái nghĩa.

 Cuối tiết 2, tôi củng cố kiến thức bằng cách tổ chức thi sử dụng từ trái nghĩa dưới dạng 2 loại bài tập sau:

 ⮚ ***Loại bài tập 1***: Điền từ trái nghĩa vào chỗ trống trong từng câu thơ sau

 \**Ví dụ*:

 **Yếu** trâu còn hơn …………… bò .*( khoẻ)*

 **Bé** lại xé ra ............đáng buồn .(*to*)

 **Lành** làm gáo, ……. làm muôi . *(vỡ)*

 Ở ……. người cười, ở **hẹp** người chê. *( rộng)*

 (*TNTP số 39A + 39B tháng 3/2002*).

 ⮚ ***Loại bài tập 2***: Đặt câu với cặp từ trái nghĩa.

 \**Ví dụ*: Đặt câu với cặp từ ***béo - gầy***.

 Ở dạng bài tập điền từ, học sinh cần được dựa vào **từ cho sẵn** (*từ in đậm trong câu thơ*), coi đó là từ “**điểm tựa**” để tìm từ có nghĩa trái ngược, tạo nên

một cặp từ trái nghĩa hoàn chỉnh. Còn ở dạng bài tập đặt câu, học sinh cần căn cứ vào đặc trưng về nghĩa của cặp từ trái nghĩa đó để đặt câu có nội dung thích hợp.

 Hình thức vừa dạy tổ chức trò chơi như vậy ngay trong không gian lớp học, tại thời gian của lớp học làm cho học sinh đỡ căng thẳng, tạo được hứng thú và niềm tin trong học tập. Cứ mỗi khi tôi cho các em tiếp xúc với đoạn thơ, câu đố, các em chăm chú theo dõi. Những đôi mắt ánh lên niềm vui thích rồi ào ạt xung phong. Em được chỉ định thì phấn khởi, hồ hởi, em không được gọi thì xuýt xoa rồi những tràng vỗ tay cổ vũ...

**\**Ví dụ*:** **dạy bài** ***Nghĩa của từ****:*

 Để chuyển tải được khái niệm **nghĩa gốc** và **nghĩa chuyển** của từ khi dạy bài: Nghĩa của từ, tôi đã tìm cách đặt từ vào trong câu, nói rộng hơn là đặt từ trong ngữ cảnh. Ngữ cảnh có tác dụng hiện thực hoá, cụ thể hoá nghĩa của từ và để học sinh hiểu vấn đề, chúng tôi cung cấp: trong các nghĩa khác nhau của từ nhiều nghĩa, nghĩa nào là nghĩa trực tiếp, gần gũi, quen thuộc “dễ hiểu” thì đó là nghĩa gốc; còn nghĩa nào là nghĩa gián tiếp, phải suy ra, hiểu rộng ra từ nghĩa gốc, không thật gần gũi quen thuộc lắm, có phần “khó hiểu” thì đó là nghĩa chuyển.

 Với cách dẫn dắt cụ thể như vậy, học sinh đã nhận biết được nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ rất nhạy bén.

 Đây là loại bài dễ sa vào lối giảng giải lý thuyết khô khan, nặng nề, máy móc, đơn điệu mà tôi cố gắng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong việc tự tìm ra tri thức bằng cách gợi dẫn thích hợp bằng những ví dụ hết sức cụ thể, rõ ràng.

 Hay là khi dạy bài **từ đồng nghĩa** (*tiết 1, tuần 1*) chẳng hạn. Mặc dù sách giáo viên có hướng dẫn nhưng để học sinh dễ nắm bắt kiến thức về từ đồng nghĩa, hiểu dễ dàng thế nào là từ đồng nghĩa, tôi đã tiến hành như sau:

 - Đầu tiên tôi cho học sinh quan sát tranh một chiếc **máy bay** bay trên bầu trời. Để tìm từ thay thế cho từ máy bay, bất ngờ chúng tôi lại đưa ra một chiếc **tàu bay** gấp bằng giấy rồi mô hình một chiếc **phi cơ**...để các em nhận biết và so sánh nghĩa của từ ***máy bay, tàu bay, phi cơ,*** các em dễ dàng hiểu được thế nào là từ đồng nghĩa.

 Ở bài tập 1 của tiết 2 chúng tôi cho học sinh tìm từ đồng nghĩa chỉ màu sắc qua hình thức tổ chức tìm từ trong đoạn thơ sau:

 \* *Ví dụ*: Tìm các từ chỉ màu trắng:

 Đàn cò đậu **trắng phau phau**

Đôi mắt **trắng dã** nhìn nhau hận thù

 Mưa rào **trắng xoá** đất trời

 Cổ tay em **trắng nõn nà** xinh xinh.

 Mẹ may cho áo **trắng tinh**

Nhìn da **trắng bệch** bệnh tình bên trong .

 Tấm lòng nhân hậu **trắng trong**

 Hặt gạo **trắng bóng** bao công chuyên cần

 Nước da bạn gái **trắng ngần**

 Bãi cát **trắng mịn** dưới chân sóng trào

 Đầu trọc **trắng hếu** người chê

 Tường vôi **trắng toát** thôn quê đẹp giàu .

*(TNTP số 119 tháng 10/2001)*

 Cách tổ chức như vậy nhằm củng cố kiến thức vừa đáp ứng nhu cầu tích cực hoá hoạt động học tập của các em, hình thành năng lực tư duy tốt mỗi học sinh đều được bộc lộ mình và phát triển rèn luyện óc suy nghĩ tổng hợp, sự quan sát nhanh cùng với sự thích thú của lứa tuổi hiếu động, giàu cảm xúc, hồn nhiên, luôn ưa thích cái mới lạ, vui tươi, hấp dẫn.

* ***Biện pháp2:*** **Coi trọng việc mở rộng vốn từ cho học sinh.**

 Đây là nhiệm vụ cơ bản của phân môn Luyện từ và câu. Khi có vốn từ phong phú, học sinh rất thuận lợi trong giao tiếp và tư duy.

 Ở lớp 5, loại bài tập mở rộng vốn từ, phát triển vốn từ được sử dụng khá nhiều dưới các dạng khác nhau: Tìm từ ngữ cùng chủ đề, tìm từ có tiếng cho trước, tìm từ cùng nghĩa, gần nghĩa, tìm từ có cùng yếu tố cấu tạo.

 Có thể mở rộng vốn từ bằng nhiều cách:

 **+ Cách ghép từ:** Xuất phát từ **từ gốc**, bằng phương pháp ghép từ sẽ cho ra các từ mới.

 \* *Ví dụ*: Bài tập 3 - Tiết 3 (Sgk 5) yêu cầu học sinh tìm một số từ có tiếng “**đồng**” (theo nghĩa là **cùng**).

 Để học sinh có được vốn từ khá phong phú, tôi đã cho học sinh thi tìm từ điền vào bài thơ sau:

 ...................tiến bước trước sau nhịp nhàng (*đồng hành*)

 ...................tay nắm chặt tay (đồng chí)

 ...................sum họp bốn phương một nhà (*đồng bào*)

 ..................quần áo quả là đẹp thay (*đồng phục*)

 ...................hội tụ một nơi (*đồng qui*)

 ..................cộng khổ ngọt bùi sẻ chia (*đồng cam*)

 ..................cộng tác cùng nghề (*đồng nghiệp*)

 ..................thống nhất xin mời giờ tay (*đồng ý*)

\**Ví dụ*: tìm một số từ có tiếng “**cổ**” (*xưa, cũ*).

Giáo viên nói: Người ta coi đồ cổ là vật quí, nhưng nhiều thứ cổ khác lại quí hơn nhiều. Em đọc bài thơ sau và hãy tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống để thấm thía hơn về giá trị của những thứ “cổ” ấy.

 Đầu xuân vui tết - (*cổ truyền*).

 Hội làng: vật võ, đu tiên, chọi gà.

 Ngôi chùa - làng ta (*cổ kính*).

 Mùa hè gió mát là đà bóng cây

 Quê mình đẹp nhất nơi đây

 Cây đa - hồ đầy nước trong (*cổ thụ*)

 Câu chuyện - đêm đông (*cổ tích*).

 Bà em đã kể đầy tình yêu thương - răn dạy bao lời (*cổ nhân*)

 Chơi nhạc - hai ba chục người (*cổ điển*)

 Lâu đài - vắng người (*cổ kính*)

 Có cây - giữa trời mà reo (*cổ thụ*).

*(TNTP số 5 tháng 1/2007)*

 ***a. Phương pháp liên tưởng***: Từ 1 từ cho trước sẽ cho ra 1 từ mới cùng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa với từ cho sẵn.

 Loại bài tập này bao gồm một số dạng sau:

 • ***Dạng 1*:** **Điền từ vào chỗ trống**.

 Sạch sẽ là không ..................

 ............là không lộn xộn

 .............là không luộm thuộm.

 • ***Dạng 2*:** **Tìm từ cùng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa được nêu trực tiếp.**

 Loại bài tập này giúp học sinh thu thập thêm những từ đồng nghĩa, trái nghĩa mà trước nay bản thân chưa biết hoặc chưa nhận ra, đồng thời tạo cho học sinh một sự nhạy cảm, để đến khi có nhu cầu giáo tiếp ngôn từ thì có thể dễ dàng huy động các từ đồng nghĩa, trái nghĩa có như vậy vốn từ của học sinh mới ngày càng phong phú, mới đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong hoạt động **nói - viết** của học sinh.

 ***b. Phương pháp láy***: Tìm ra từ mới bằng cách lặp lại một bộ phận của từ, hoặc láy lại từ đã cho.

 \**Ví dụ*: Từ từ gốc “**vàng**” láy từ sẽ cho ra các từ:

 Vàng vọt, vàng vàng.

 Từ từ gốc “**xinh**” láy từ sẽ cho ra các từ:

 Xinh xẻo, xinh xinh, xinh xắn.

**6. Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm :**

Với những biện pháp trên, qua gần 1 năm thực hiện trên lớp 5B, tôi nhận thấy:

 - Giờ học Luyện từ và câu trở nên nhẹ nhàng, hiệu quả hơn.

 - Chất lượng giờ học được nâng lên: tỉ lệ học sinh hiểu bài, phát biểu bài nhiều hơn, chính xác hơn.

 - Học sinh tích cực, chủ động hơn trong giờ học.

 - Học sinh ham thích khi được học Luyện từ và câu.

 - Học sinh được bộ lộ khả năng của mình trước lớp qua các bài tập, trò chơi, câu đố.

 - Vốn từ ngữ của học sinh phong phú hơn.

 - Trong giao tiếp học sinh nhạy bén, tự tin, nói năng dùng từ chuẩn hơn.

 - Đặc biệt các em nhạy bén trong việc tìm từ mới qua từ cho sẵn.

 **Sau đây là bảng phân tích kết quả:**

|  |  |
| --- | --- |
| Trước khi áp dụng phương pháp | Sau khi áp dụng phương pháp |
| Năm học 2019 - 2020 | Năm học 2020 - 2021 |
| **Điểm 9-10** | **Điểm 7- 8** | **Điểm** **5 - 6** | **Điểm dưới 5** |  **Điểm 9-10** | **Điểm 7- 8** | **Điểm 5- 6** | **Điểm dưới 5** |
| **4** | **9** | **17** | **2** | **7** | **13** | **11** | **1** |

**KẾT LUẬN .**

 Qua quá trình áp dụng các biện pháp để nâng chất lượng giờ dạy - học Luyện Từ và Câu lớp 5, tôi rút ra bài học quí báu:

 - Giáo viên cần phải nghiên cứu bài thật kỹ trước khi dạy.

 - Giáo viên nắm vững nội dung cần dạy cho học sinh.

 - Giáo viên cần nắm vững và lựa chọn những phương pháp dạy học, các hình thức tổ chức dạy học linh hoạt cho phù hợp với  nội dung của bài dạy và chủ điểm của bài học đó để hấp dẫn học sinh nhằm đạt kết quả cao trong giờ học mà học sinh không nhàm chán.

 - Đồ dùng dạy học cần chuẩn bị đa dạng phong phú càng nhiều vật thật càng tốt.

 - Giáo viên chịu khó sưu tầm hoặc sáng tác các bài thơ, câu đố vui liên quan đến bài học để làm phong phú và sinh động thêm bài học.

 - Giáo viên cần có những hình thức động viên kịp thời đối với những học sinh có tiến bộ.

 - Cố gắng phát huy tối đa tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập.

 Trên đây là một số vấn đề tôi đã suy nghĩ, học hỏi và thể hiện trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là ph©n m«n LuyÖn tõ vµ c©u. Tôi rất mong được sự nhận xét, góp ý của các đồng chí, đồng nghiệp để giúp đỡ tôi hoàn thành tốt hơn nữa trọng trách của người giáo viên trong “Sự nghiệp trồng người”.

 Xin chân thành cảm ơn các đồng chí !